

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 56/2019/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị X, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: Căn hộ 2511 tòa C, Hồ Gươm Plaza, Phường M, Quận H, Thành phố H

Tạm trú: thôn 2, T, xã G, huyện V, tỉnh N

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: Khu 7, T, V, P

Tạm trú: Thôn 2, T, xã G, huyện V, tỉnh N

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình
- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị X, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: Căn hộ 2511 tòa C, Hồ Gươm Plaza, Phường M, Quận H, Thành phố H

Tạm trú: thôn 2, T, xã G, huyện V, tỉnh N

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: Khu 7, T, V, P

Tạm trú: Thôn 2, T, xã G, huyện V, tỉnh N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể nh- sau:

2.1: Về quan hệ con chung: Chị Đinh Thị X và anh Nguyễn Mạnh H đều xác nhận anh chị có 03 con chung: Các cháu là: Nguyễn Gia L, sinh ngày 14/9/2012; Nguyễn Hà M, sinh ngày 25/01/2015; Nguyễn Thanh H, sinh ngày 21/11/2018. Hai bên thỏa thuận giao cả 03 cháu là cháu Nguyễn Gia L, cháu Nguyễn Hà M, cháu Nguyễn Thanh H cho chị Đinh Thị X trực tiếp nuôi d-ỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Mạnh Hùng phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp d-ỡng nuôi con chung cho chị Đinh Thị X 2.000.000 đồng/1tháng/1 cháu. Kể từ tháng 06 năm 2019 cho đến khi cháu Nguyễn Gia L, cháu Nguyễn Hà M, cháu Nguyễn Thanh H đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai đ-ợc cản trở.

Trong tr-ờng hợp bên có nghĩa vụ trậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Chị Đinh Thị X và anh Nguyễn Mạnh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Đinh Thị X phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng tiền án phí cấp d-ỡng nuôi con chung. Đ-ợc khấu trừ vào số tiền 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) chị X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số: AA/2013/0001234 ngày 21/5/2019.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục Thi hành án DS huyện V
- Các đơn vị;
- UBND xã T, V, P;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Thiện Thành